



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**QCVN ..... : 2021/BNNPTNT**

(DỰ THẢO)

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA  
VỀ CHẤT LƯỢNG VẬT LIỆU NHÂN GIỐNG  
CÂY CÔNG NGHIỆP - PHẦN 1: CÂY CÀ PHÊ**

*National Technical Regulation on Planting Materials Quality of  
Perennial Industrial Crops - Part 1: Coffee*

**HÀ NỘI - 2021**

**Lời nói đầu**

QCVN ..... : 2021/BNNPTNT do Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam biên soạn và trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo Thông tư số ... /2021/TT-BNNPTNT ngày ... tháng ... năm 2021.

# QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG VẬT LIỆU NHÂN GIỐNG CÂY CÔNG NGHIỆP PHẦN 1: CÂY CÀ PHÊ

## *National Technical Regulation on Planting Materials Quality of Perennial Industrial Crops - Part 1: Coffee*

### I. QUY ĐỊNH CHUNG

#### 1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định yêu cầu chất lượng của vật liệu nhân giống và cây giống cây công nghiệp thuộc loài cà phê Robusta (*Coffea canephora*) và cà phê Arabica (*Coffea arabica*) phục vụ sản xuất cây giống theo phương pháp nhân giống vô tính (cây giống ghép) và hữu tính (cây giống thực sinh, hạt giống).

#### 1.2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân sản xuất, buôn bán và tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động sản xuất, buôn bán vật liệu nhân giống và cây giống cà phê Robusta (*Coffea canephora*) và cà phê Arabica (*Coffea arabica*).

#### 1.3. Giải thích từ ngữ

Trong quy chuẩn này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Vật liệu nhân giống: Là cây cà phê (cây gốc ghép, cây thực sinh) hoặc bộ phận của cây cà phê (chồi ghép, hạt giống) có thể phát triển thành một cá thể mới, dùng để nhân giống.
- Cây giống: Là cây con được sản xuất theo phương pháp nhân giống vô tính (cây giống ghép) và hữu tính (cây giống thực sinh).
- Hạt giống: Là bộ phận của cây cà phê được sử dụng cho mục đích nhân giống, gồm nhân cà phê (coffee bean) và lớp vỏ trấu (parchment) bao bọc bên ngoài.
- Rễ cọc: Là rễ mọc từ gốc thân, đâm xuống đất và từ đó mọc ra các rễ con sơ cấp và thứ cấp.
- Rễ tơ: Là rễ non, màu trắng mọc từ các rễ thứ cấp.

#### 1.4. Tài liệu viện dẫn

- TCVN 10684-2: 2018: *Cây công nghiệp lâu năm - Tiêu chuẩn cây giống, hạt giống - Phần 2: Cà phê*
- TCVN 8547:2011 *Giống cây trồng - Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần của lô hạt giống.*
- TCVN 8550:2018 *Giống cây trồng - Phương pháp kiểm định ruộng giống*

### II. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

#### 2.1. Quy định về điều kiện sản xuất

Việc sản xuất vật liệu nhân giống cà phê phải tuân thủ quy định tại tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về sản xuất giống cây cà phê.

## 2.2. Yêu cầu chất lượng của vật liệu nhân giống

### 2.2.1. Vật liệu nhân giống bằng hạt

- + Hạt giống cà phê phải mang những tính trạng đặc trưng của dòng bố, mẹ
- + Tuổi cây lấy làm giống phải từ 4 năm trở lên
- + Tiêu chuẩn hạt giống cà phê được quy định trong TCVN 10684-2: 2018: Cây công nghiệp lâu năm - Tiêu chuẩn cây giống, hạt giống - Phần 2: Cà phê.

### 2.2.2. Vật liệu nhân giống cây gốc ghép và chồi ghép

#### 2.2.2.1. Cây gốc ghép

- Sinh trưởng khỏe, khả năng tiếp hợp tốt với chồi ghép, tạo tổ hợp ghép sinh trưởng tốt, không nhiễm bệnh rễ do tuyến trùng, nấm, thích nghi với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng tại địa phương.
- Tiêu chuẩn cây gốc ghép được quy định tại Bảng 1.

**Bảng 1: Yêu cầu đối với cây cà phê gốc ghép**

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Hình thái chung	Sinh trưởng khỏe, không có dấu hiệu của các loại sâu bệnh hại. Phần thân từ vị trí ghép xuống gốc và cổ rễ phải thẳng
2	Bộ lá	Lá có kích thước và hình dạng đặc trưng của giống, có từ 5 cặp lá thật trở lên
3	Bộ rễ	Một rễ cọc thẳng và phát triển tốt, có nhiều rễ tơ, không bị nhiễm sâu bệnh hại rễ (tuyến trùng, nấm thối rễ, rệp sáp)
4	Đường kính thân	Từ 0,3 cm trở lên đối với cà phê chè, 0,4 cm trở lên đối với cà phê vối, đo tại vị trí cách mặt bầu 1,0 cm
5	Chiều cao cây	Từ 25 cm trở lên đối với cà phê chè, 30 cm trở lên đối với cà phê vối, được đo từ mặt bầu tới ngọn
6	Tuổi cây	Từ 4 tháng trở lên kể từ ngày cấy cây lá sò vào bầu ươm

#### 2.2.2.2. Chồi ghép

- Chồi ghép phải mang những tính trạng đặc trưng của giống và phải được lấy từ cây đầu dòng hoặc vườn cây đầu dòng/vườn nhân chồi được cấp có thẩm quyền công nhận.
- Chồi ghép là phần ngọn lấy từ chồi vượt, dài trên 7,0 cm có ít nhất một cặp lá thuần thực và một đỉnh sinh trưởng nằm trong hai lá non chưa xòe, chồi ghép cũng có thể là chồi đốt tiếp sau chồi ngọn. Tùy từng phương pháp ghép hở hay ghép kín để xử lý chồi ghép, để 1/3 diện tích lá hoặc bỏ hết lá khi ghép.

### 2.2.3. Yêu cầu chất lượng cây giống ghép

Cây giống ghép phải đáp ứng các tiêu chuẩn và mức giới hạn được quy định như các nội dung chi tiết ở bảng 2 cho cây giống ghép bầu nhỏ (1 năm tuổi) và cây giống ghép bầu lớn (2 năm tuổi).

**Bảng 2: Yêu cầu đối với cây giống ghép**

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Hình thái chung	Cây sinh trưởng khỏe, có một thân thẳng và vững chắc, không có chồi vượt ở gốc ghép và không có dấu hiệu của các loại sâu bệnh hại
2	Vết ghép	Vị trí vết ghép cách mặt bầu từ 10 - 20 cm và cách cặp lá trên cùng 3 - 4 cm. Vết ghép đã liền và tiếp hợp tốt (phẳng, không bị bong, thối)
3	Bộ lá	Phần chồi ghép đã có ít nhất một cặp lá mới thành thực. Lá có kích thước và hình dạng đặc trưng của giống; Phần gốc ghép (phía dưới chồi ghép) còn nguyên ít nhất 1 - 2 cặp lá thật
4	Bộ rễ	Một rễ cọc thẳng phát triển tốt, có nhiều rễ tơ, không bị nhiễm sâu bệnh hại rễ (tuyến trùng, nấm thối rễ, rệp sáp)
5	Đường kính thân	Từ 0,4 cm trở lên đối với cà phê vối và 0,3 cm trở lên đối với cà phê chè. Đường kính gốc đo tại vị trí cách mặt bầu 1,0 cm.
6	Chiều cao cây	Từ 25 cm trở lên đối với cà phê chè, 30 cm trở lên đối với cà phê vối, được đo từ mặt bầu tới ngọn
7	Tuổi cây	Đạt tối thiểu 8 tháng (đối với cây ghép bầu nhỏ - 1 năm tuổi), 18 tháng (đối với cây ghép bầu lớn - 2 năm tuổi) trong vườn ươm từ khi gieo hạt; được huấn luyện ngoài nắng hoàn toàn ít nhất 10 - 15 ngày.
8	Cặp cành cấp 1	Có ít nhất 2 cặp cành cấp 1 (đối với cây ghép bầu lớn - 2 năm tuổi)
9	Tỷ lệ cây đúng giống	100% cây đúng giống

### 2.3. Yêu cầu về ghi nhãn

#### 2.3.1. Vật liệu làm nhãn

Vật liệu của nhãn phải có đặc tính chống thấm ướt, không quá cứng tạo ra nguy cơ làm trầy xước các bộ phận của cây.

#### 2.3.2. Ghi nhãn và vị trí nhãn

Ghi nhãn theo quy định tại Nghị định 43/2017/NĐ-CP và tại điều 10, Nghị định 94/2019/NĐ-CP.

**2.4. Yêu cầu về vận chuyển**

Vật liệu nhân giống, cây giống cà phê phải được vận chuyển bằng phương tiện phù hợp, tránh làm vỡ bầu hoặc tổn thương đến vật liệu nhân giống, cây giống.

**2.5. Yêu cầu về lưu thông**

Trong quá trình lưu thông vật liệu nhân giống, cây giống cà phê, phải lưu giữ và bảo quản vật liệu nhân giống trong điều kiện mát và đủ ẩm.

**2.6. Yêu cầu về ghi chép và truy xuất nguồn gốc**

Lập hồ sơ ghi chép toàn bộ thông tin liên quan đến lô giống, yêu cầu lưu hồ sơ trong thời hạn 06 tháng từ khi lập.

**III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA**

**3.1. Phương pháp kiểm tra điều kiện sản xuất:** theo tiêu chuẩn quốc gia về sản xuất giống cà phê.

**3.2. Phương pháp lấy mẫu**

Các mẫu trên 1 lô sản xuất được lấy ngẫu nhiên theo 5 điểm chéo góc, mỗi điểm lấy 2 cây. Tổng số cây của mỗi đợt kiểm tra là 10 cây.

**3.3. Phương pháp kiểm tra chất lượng vật liệu nhân giống, cây giống**

**Bảng 3. Các chỉ tiêu và phương pháp kiểm tra chất lượng vật liệu nhân giống, cây giống cà phê**

TT	Chỉ tiêu kiểm tra	Mức giới hạn hoặc trạng thái biểu hiện	Phương pháp kiểm tra
1	Hạt giống	Theo quy định tại Mục 2.2.1	Quan sát, Kiểm tra hồ sơ truy xuất nguồn gốc
2	Chồi ghép	Theo quy định tại Mục 2.2.2.2	Kiểm tra hồ sơ truy xuất nguồn gốc
3	Cây giống ghép	Theo quy định tại mục 2.2.3	Kiểm tra hồ sơ truy xuất nguồn gốc
3.1	Hình thái cây	Cây sinh trưởng khỏe, có một thân thẳng và vững chắc, không có chồi vượt ở gốc ghép và không có dấu hiệu của các loại sâu bệnh hại	Quan sát bằng mắt thường, đánh giá và nhận xét
3.2	Bộ lá	Xanh, không bị rệp, sâu ăn lá	Quan sát trực tiếp bằng mắt thường, đánh giá và nhận xét
3.3	Rễ cọc	Thẳng, không bị đứt hoặc cong rễ ở đoạn 0 - 5 cm tính từ mặt bầu	Quan sát, rạch bầu đất để kiểm tra rễ; Kiểm tra: 5 bầu/đợt kiểm tra

3.4	Rễ tơ	Có rễ tơ và rễ không bị thối, nốt sừng	Quan sát, rạch bầu đất để kiểm tra rễ; Kiểm tra: 5 bầu/ đợt kiểm tra
3.5	Đường kính gốc ghép	Từ 0,4 cm trở lên đối với cà phê vối và 0,3 cm trở lên đối với cà phê chè	Đo đường kính tại vị trí cách mặt bầu tối thiểu 1,0 cm
3.6	Chiều cao cây	Từ 25 cm trở lên đối với cà phê chè, 30 cm trở lên đối với cà phê vối	Sử dụng thước có độ chính xác 1 mm, đo chiều cao tại vị trí từ mặt bầu tới đỉnh sinh trưởng của phần thân ghép
3.7	Tuổi cây ghép	Tối thiểu 2 tháng từ khi ghép	Kiểm tra hồ sơ, quan sát
3.8	Khả năng tiếp hợp	Tốt	Quan sát
3.9	Sâu bệnh hại	Không bị nhiễm tuyến trùng, rệp sáp hại rễ	Rạch bầu, quan sát triệu chứng bệnh trên rễ bằng mắt thường hoặc kính hiển vi.
3.10	Tỷ lệ cây đúng giống	Đặc điểm đặc trưng của mỗi giống (màu sắc lá, hình dạng lá)	Quan sát, kiểm tra nhãn cây, hồ sơ giống chồi ghép, các chỉ tiêu nông học, đặc trưng của giống; Kiểm tra ADN khi cần thiết.

#### **IV. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ**

4.1. Việc đánh giá, tự đánh giá, chứng nhận và công bố hợp quy đối với chất lượng vật liệu nhân giống và cây giống được thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

4.2. Việc kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về chất lượng vật liệu nhân giống, cây giống được thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm trong chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản pháp luật hiện hành.

#### **V. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, buôn bán, nhập khẩu, vật liệu nhân giống và cây giống phải công bố tiêu chuẩn áp dụng và không được trái với quy định tại Mục II của Quy chuẩn này; thực hiện việc tự đánh giá hợp quy hoặc chứng nhận hợp quy; công bố hợp quy; lưu hồ sơ theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

#### **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

6.1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Cục Trồng trọt: hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện quy chuẩn kỹ thuật này; trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh, bổ sung Quy chuẩn kỹ thuật này khi cần thiết; chỉ định và quản lý

hoạt động tổ chức thử nghiệm, tổ chức chứng nhận hợp quy giống cây trồng trên phạm vi cả nước; kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đánh giá hợp quy, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy giống cây trồng trên cả nước.

6.2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm: tổ chức kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đánh giá hợp quy, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy giống cây trồng trên địa bàn; tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy, thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng trên địa bàn và gửi 01 bản về Cục Trồng trọt Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp.

6.3. Người kiểm định, người lấy mẫu, tổ chức thử nghiệm, tổ chức chứng nhận hợp quy giống cam có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại quy chuẩn này.

6.4. Với lô giống đã được sản xuất, nhập khẩu; tự đánh giá hợp quy hoặc chứng nhận hợp quy và bao bì đã in trước thời điểm quy chuẩn kỹ thuật này có hiệu lực được phép sử dụng tiếp 12 tháng kể từ ngày quy chuẩn kỹ thuật này có hiệu lực.

6.5. Trong trường hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn viện dẫn hoặc hướng dẫn dẫn quy định tại Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.



### **Thư mục tài liệu tham khảo**

- [1] Bộ Nông nghiệp và PTNT (2019), Thông tư 17/2019/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2019: Ban hành danh mục loài cây trồng chính.
  - [2] Bộ KH&CN (2011), TCVN 8548:2011 Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm.
  - [3] Bộ KH&CN (2018), TCVN 10684-2:2018 Cây công nghiệp lâu năm - Tiêu chuẩn cây giống, hạt giống - Phần 2: Cà phê (Quyết định số 4054/QĐ-BKH&CN ngày 28/12/2018).
  - [4] Bộ Nông nghiệp và PTNT (2016), Quy trình tái canh cà phê vối (Quyết định số 2085/QĐ-BNN-TT ngày 31/5/2016).
  - [5] Bộ Nông nghiệp và PTNT (2018), Quy trình tái canh cà phê chè, 2018 (Quyết định số 4428/QĐ/BNN-TT Ngày 9/11/2018).
  - [6] Bộ Nông nghiệp và PTNT (2016), Ban hành tiêu chí vườn ươm, tiêu chuẩn cây giống, quy trình chứng nhận vườn ươm cà phê áp dụng cho dự án VnSAT (Quyết định 4510/QĐ-BNN-TT, ngày 01/11/2016)
  - [7] Nguyễn Văn Thường, Trần Thị Hoàng Anh và ctv (2016), Quy trình nhân giống nuôi cấy mô bằng công nghệ Bioreactor”, Báo cáo Tổng kết đề tài KC-06: Xây dựng hệ thống nhân giống cà phê chè bằng công nghệ Bioractor.
  - [8] Gordon Wrigley (1988), Chapter 5 - Planting material, Coffee (pp 164-172), Longman Scientific & Technical, New York.
  - [9] Julio Marcos-Filho (2014), Seed standards for coffee in Brazil. Coffee seed production, USP/ESALQ – CISTT.
-

**Phụ lục 01. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỢP QUY LÔ GIỐNG CÂY TRỒNG**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)  
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../BCĐGHQ-.....

....., ngày ... tháng .... năm .....

**BÁO CÁO  
ĐÁNH GIÁ HỢP QUY LÔ GIỐNG CÂY TRỒNG**

1. Tổ chức, cá nhân báo cáo:.....

Địa chỉ, Điện thoại, Fax, Email, Website

2. Tên loài, tên giống cây trồng, cấp giống:

3. Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: .....

4. Mã lô giống được đánh giá hợp quy:

5. Kết quả đánh giá:

5.1. Kiểm định ruộng giống

- Ngày kiểm định:

- Địa điểm kiểm định: - Diện tích lô ruộng giống kiểm định:

- Họ và tên người kiểm định: Điện thoại: Mã số:

- Đơn vị quản lý người kiểm định:

- Biên bản kiểm định số: ngày tháng năm

- Kết quả kiểm định: Diện tích lô ruộng giống kiểm định phù hợp QCVN: ha;

Sản lượng dự kiến (tạ/tấn):

5.2. Thử nghiệm mẫu

- Ngày lấy mẫu :

- Địa điểm lấy mẫu: - Khối lượng lô giống:

- Họ và tên người lấy mẫu: Điện thoại: Mã số:

- Đơn vị quản lý người lấy mẫu:

- Tên tổ chức thử nghiệm:

- Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu giống số: ngày tháng năm

- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu chất lượng đạt yêu cầu theo QCVN:

6. Các nội dung khác (nếu có):.....

7. Kết luận:

Lô Giống ..., cấp giống ... có chất lượng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật số .....do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành ngày tháng năm .

...(tổ chức, cá nhân).... cam kết chất lượng lô giống.... phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá.

**Người lập báo cáo**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của lãnh đạo tổ chức/cá nhân**  
(ký tên, chức vụ, đóng dấu)

**Phụ lục 02. GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY LÔ GIỐNG**  
**TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN                      Lô gô (nếu có)**

Tên Tổ chức chứng nhận:

Địa chỉ:                      ĐT:                      Fax:                      Email:                      Website:

Mã số

Số Quyết định chỉ định:

Mã số công nhận (nếu có):

**GIẤY CHỨNG NHẬN LÔ GIỐNG**  
**PHÙ HỢP QUY CHUẨN KỸ THUẬT**  
Số:...../GCNHQ-

**I. CÁC THÔNG TIN VỀ LÔ GIỐNG:**

Chủ lô giống:

Địa chỉ:                      Điện thoại:                      Fax:                      Email:

Tên cây trồng:                      Tên giống:                      Cấp giống:

Nơi sản xuất:                      Họ tên người kiểm định (trường hợp giống sx trong nước):

Thời gian thu hoạch:                      Mã số/Số CMND:

Mã lô giống:                      Họ tên người lấy mẫu:

Khối lượng lô giống:                      Mã số/Số CMND:

Số lượng bao chứa:                      Ngày lấy mẫu:

Chất liệu bao bì:                      Ngày nhận mẫu:

Tờ khai hải quan số (đối với hàng nhập khẩu)                      Phương pháp lấy mẫu:

Ngày cấp:                      Khối lượng mẫu gửi:

**II. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH RUỘNG GIỐNG** (Trường hợp giống sản xuất trong nước): Phương pháp kiểm định theo TCVN 8550:2018

Phù hợp QCVN theo biên bản kiểm định: (Số ký hiệu, ngày/tháng/năm)..... Đơn vị kiểm định:.....

**III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:** Phương pháp kiểm nghiệm theo TCVN 8548:2011

- Mã số thử mẫu:

- Mã số tổ chức thử nghiệm:

- Kết quả thử nghiệm:

Độ sạch (% khối lượng)	Hạt cỡ đại (số hạt/kg)	Hạt khác giống có thể phân biệt được (% số hạt)	Nảy mầm				Độ ẩm (% khối lượng)
			Số ngày kiểm tra	(% số hạt)			
				Cây mầm bình thường	Cây mầm không bình thường	Hạt sống không nảy mầm	

**IV. KẾT LUẬN:**

Lô giống... cấp giống... phù hợp/không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật số .....do cơ quan thẩm quyền ban hành (tên) ngày tháng năm.

**Tổ chức chứng nhận**  
**Thủ trưởng (Ký tên, đóng dấu)**

Phụ lục 03. BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

**BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY**

Số .....

Tên tổ chức, cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

E-mail: .....

**CÔNG BỐ:**

Giống cây trồng (loài, tên giống, cấp giống, đặc tính của giống)

.....

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (số hiệu, ký hiệu, tên gọi)

.....

Thông tin bổ sung (phương thức đánh giá sự phù hợp,...):

.....

Hình thức đánh giá hợp quy :

+ Tổ chức chứng nhận đánh giá (bên thứ ba): Tên tổ chức chứng nhận/tổ chức chứng nhận được chỉ định, số giấy chứng nhận, ngày cấp giấy chứng nhận;

+ Tự đánh giá (bên thứ nhất): Số ký hiệu báo cáo, ngày lãnh đạo tổ chức, cá nhân ký xác nhận báo cáo tự đánh giá.

.... (Tên tổ chức, cá nhân) .... cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của (loài, tên giống, cấp giống) do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

....., ngày ... tháng ... năm ....

**Đại diện Tổ chức, cá nhân**

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

